

Bản án số: 26/2025/HSST
Ngày 31-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thành, ông Trần Văn Hoà.
- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- T.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - T tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6- T mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

T Q H, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Khu T, L, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa lớp: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T Đ M - sinh năm: 1978 và bà T Đ M - sinh năm 1980; Vợ T T N - sinh năm 2001. Bị cáo có 02 con.

Tiền sự, Tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/9/2025 đến ngày 13/9/2025. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại L, tỉnh T (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo H:* Bà Phạm Thị Thắm - Trợ giúp viên pháp lý - T trợ giúp pháp lý nhà nước số 1, tỉnh T.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị B T M, sinh năm 2001, nơi cư trú: khu T, xã L, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần có tiền để làm ăn và biết T Q H, sinh năm 2000, nơi cư trú: khu T, L, tỉnh T có cho vay tiền nên chị B T M, sinh năm 2001 nơi cư trú: khu T, L, tỉnh T đã sử dụng facebook của chị M có tên là “Trà M” nhắn tin qua Messenger cho facebook của H có tên là “Hiếu Tôm” để vay tiền, H đồng ý. H và chị M không viết giấy vay nợ mà nhắn tin qua Messenger thoả thuận lãi xuất tính theo tháng là 20%/ tháng, không cố định ngày trả, có thể trả tiền mặt hoặc chuyển khoản. H sử dụng số tài khoản 200066668386 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội mang tên T Q H để chuyển tiền cho chị M vay. Chị M sử dụng số tài khoản

0705016668888 và số tài khoản 888807052001 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (Ngân hàng MB) mang tên B T M để nhận tiền vay của H và chuyển trả tiền lãi cho H.

Trong thời gian từ ngày 01/8/2022 đến ngày 05/6/2023, chị B T M đã 03 lần vay của T Q H tổng số tiền 50.000.000 đồng; lãi xuất tính theo tháng là 20%/tháng, tương đương với 240%/ năm (*cao gấp 12 lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là không vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay*). Tổng số tiền lãi chị M phải trả cho H là 68.000.000đ, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của của Bộ luật dân sự (từ 1% đến 20%) là 5.666.666 đồng; số tiền H đã thu lời bất chính (*từ trên 20% trở lên*) là 62.333.334 đồng. Cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 01/8/2022, chị B T M vay của T Q H 10.000.000 đồng. H chuyển khoản số tiền 10.000.000đ từ số tài khoản 00066668386 Ngân hàng MB của H đến số tài khoản 0705016668888 Ngân hàng MB của chị M. Lãi xuất thỏa thuận là 20%/một tháng, trả lãi theo tháng, tương ứng mỗi tháng chị M trả cho H 2.000.000 đồng tiền lãi.

Chị M đã trả tiền lãi cho H tiền lãi các tháng 9/2022; tháng 10/2022; tháng 11/2022; tháng 12/2022; tháng 01/2023; tháng 02/2023; tháng 03/2023 bằng hình thức chuyển khoản, tổng số tiền lãi là 14.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của của Bộ luật dân sự (từ 1% đến 20%) là 1.166.666 đồng. Số tiền H thu lời bất chính trái quy định của pháp luật (*từ trên 20% trở lên*) là 12.833.334 đồng.

- Lần 02: Ngày 27/3/2023, chị B T M tiếp tục vay của T Q H 5.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản Ngân hàng. H và chị M thống nhất gộp khoản vay này với khoản vay 10.000.000đ ngày 01/8/2022 thành 15.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 27/3/2023 vẫn với lãi xuất 20%/ tháng, tương ứng mỗi tháng chị M phải trả cho H 3.000.000 đồng tiền lãi.

Chị M đã trả tiền lãi cho H đến ngày 05/6/2023 tổng số tiền là 7.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của của Bộ luật dân sự (từ 1% đến 20%) là 583.333 đồng; số tiền H đã thu lời bất chính (*từ trên 20% trở lên*) là 6.416.667 đồng.

- Lần 03: Ngày 05/06/2023, chị B T M tiếp tục vay của T Q H số tiền 35.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản Ngân hàng. H và chị M thống nhất gộp khoản vay này với khoản vay 15.000.000đ ngày 27/3/2022 thành 50.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 05/6/2023 vẫn với lãi xuất 20%/ tháng, tương ứng mỗi tháng chị M phải trả cho H 10.000.000 đồng tiền lãi.

Chị M đã trả lãi cho H đến ngày 29/11/2023 với tổng số tiền là 37.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của của Bộ luật dân sự (từ 1% đến 20%) là 3.083.334 đồng; số tiền H đã thu lời bất chính (*từ trên 20% trở lên*) là 33.916.667 đồng.

Tháng 12/2023, do điều kiện kinh tế khó khăn chị B T M không trả được 10.000.000đ tiền lãi cho H. Từ tháng 01/2024, H không tính lãi khoản vay 50.000.000đ nữa mà chỉ yêu cầu chị M trả tiền gốc nhưng chị M vẫn không trả được tiền gốc cho H.

Như vậy, tổng số tiền lãi chị M phải trả cho H theo thỏa thuận vay ban đầu là 68.000.000đ, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của của Bộ luật

dân sự (từ 1% đến 20%) là 5.666.666 đồng; số tiền H thu lời bất chính (*từ trên 20% trở lên*) là 62.333.334 đồng.

+ Số tiền lãi chị M đã trả cho H là 58.000.000đ; số tiền lãi được phép thu theo quy định của của Bộ luật dân sự (từ 1% đến 20%) là 4.833.334 đồng; số tiền H đã thu lời bất chính (*từ trên 20% trở lên*) là 53.166.666 đồng

+ Số tiền lãi chị M chưa trả cho H là 10.000.000đ; trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của của Bộ luật dân sự (từ 1% đến 20%) là 833.333 đồng; số tiền H thu lời bất chính (*từ trên 20% trở lên*) là 9.166.667 đồng

Đến ngày 09/9/2025, chị M nhận thấy việc H cho vay tiền với lãi suất cao là vi phạm pháp luật nên đã gửi đơn tố giác đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tố giác T Q H về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Căn cứ theo đơn tố giác của chị M, Cơ quan điều tra đã triệu tập T Q H đến làm việc. Tại cơ quan điều tra H đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max mặt trước màu đen, mặt sau màu tím, số máy MQ9T3VN/A, số seri: TC22TLF626, số IMEI: 358457885922526; số IMEI2: 358457888842440 và khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của H phù hợp với lời khai chị M và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 09/CT-VKS-KV6 ngày 26/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6- T đã truy tố T Q H về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- T đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T Q H.

Xử phạt: Bị cáo H từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", bị cáo được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo H trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ 05%/ tháng là 195.800 đồng/ tháng để nộp ngân sách nhà nước.

* Về hình phạt bổ sung: phạt bổ sung đối với bị cáo H số tiền là 55.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu để nộp ngân sách nhà nước của chị M số tiền gốc 50.000.000 đồng.

- Thu hồi để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước tiền lãi phát sinh từ tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự từ 1% - 20% của bị cáo H số tiền 4.833.334 đồng.

- Buộc bị cáo H phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên 20% cho chị M số tiền là 53.166.666 đồng.

- Tịch thu phát mại xung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, là điện thoại H sử dụng để trao đổi với chị M về việc cho vay lãi nặng.

* Về án phí: miễn án phí hình sự sơ thẩm do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Về những chứng cứ xác định có tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp trong hồ sơ như: lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản đối chất. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định trong các ngày 01/8/2022; ngày 27/3/2023 và ngày 05/06/2023, tại khu T, L, tỉnh T, T Q H đã có hành vi liên tục cho chị B T M vay tổng số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng tương ứng với 240%/năm, cao gấp 12 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự.

Tổng số tiền lãi chị M phải trả cho H là 68.000.000đ, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của của Bộ luật dân sự (từ 1% đến 20%) là 5.666.666 đồng; số tiền H thu lời bất chính (từ trên 20% trở lên) là 62.333.334 đồng. Tuy nhiên, số tiền lãi thực tế chị M đã trả cho H là 58.000.000đ; số tiền lãi được phép thu theo quy định của của Bộ luật dân sự (từ 1% đến 20%) là 4.833.334 đồng; số tiền H đã thu lời bất chính (từ trên 20% trở lên) là 53.166.666 đồng

Hành vi của T Q H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế gây thiệt hại cho quyền lợi của những người vay. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H cũng đã thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, điều đó có đủ căn cứ để xác định bị cáo có tội và cần phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 201 tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định:

“...1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm...”

[3]. Xét tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có điều kiện để nhận thức và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật, có hiểu biết xã hội nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng đến quy định của Nhà nước về hoạt động tín dụng gây thiệt hại cho lợi ích của người vay. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Hành vi của bị cáo cần phải xử phạt một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là: bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt nên khi quyết định hình phạt cần được xem xét để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nơi ở ổn định nên chỉ cần áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đảm bảo trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Qua xác minh về thu nhập tại địa phương, xác định được thu nhập của H là 3.916.000 đồng. Do đó, trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo H là 05% trên tổng thu nhập, bằng số tiền là 195.800đồng/ tháng, để nộp vào ngân sách nhà nước. Việc khấu trừ được thực hiện hằng tháng cho đến khi chấp hành xong hình phạt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 điều 201 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Do đó phạt bổ sung đối với bị cáo H số tiền là 55.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số tiền gốc 50.000.000 đồng mà bị cáo đã cho chị M vay (*chị M chưa trả cho bị cáo H*). Đây là số tiền bị cáo H sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội nên cần phải tịch thu số tiền này từ chị M để nộp ngân sách nhà nước.

- Thu hồi để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước tiền lãi phát sinh từ tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự từ 1% - 20% của bị cáo H số tiền 4.833.334 đồng.

- Buộc bị cáo trả khoản tiền lãi phát sinh trên 20% cho chị M số tiền là 53.166.666 đồng.

- Tịch thu để phát mại xung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max mặt trước màu đen, mặt sau màu tím của H đã qua sử dụng.

[8]. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*** Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bảo vệ:**

Bà được cử làm người bào chữa cho bị cáo H từ tại giai đoạn điều tra bà không có ý kiến gì. Bà nhất trí với đề nghị của kiểm sát viên về tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung. Tuy nhiên bị cáo H sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn sự hiểu biết pháp luật hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt phạt nhẹ nhất và về án phí: bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo H.

Lời nói sau cùng: Bị cáo biết lỗi và nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo T Q H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo H 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo H.

Giao bị cáo H cho UBND L, tỉnh T nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND L, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo cải tạo không giam giữ tại nơi bị cáo đang cư trú.

Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo H là 05% trên tổng thu nhập 3.916.000 đồng, bằng số tiền là 195.800đồng/ tháng, để nộp vào ngân sách nhà nước. Việc khấu trừ được thực hiện hằng tháng cho đến khi chấp hành xong hình phạt.

Trường hợp bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

[2]. Về phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với bị cáo H số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

[3]. Về vật chứng của vụ án:

- Thu hồi để tịch thu nộp ngân sách nhà nước từ chị M số tiền gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Thu hồi để tịch thu nộp ngân sách nhà nước Nhà nước tiền lãi phát sinh từ tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự từ 1% - 20% của bị cáo H số tiền 4.833.334đ (*Bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng*).

- Buộc bị cáo H phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên 20% cho chị M số tiền là 53.166.666đ (*Năm mươi ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*);

- Tịch thu phát mại xung quỹ nhà nước của bị cáo H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max mặt trước màu đen, mặt sau màu tím, đã cũ, đã qua sử dụng.

(*Theo biên bản giao vật chứng đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 6- T ngày 12/12/2025*).

[5]. Về án phí: Bị cáo T Q H được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T;
- VKSNDKV 6- T;
- THADS tỉnh T;
- Phòng THADSKV6- T;
- CQTHAHS- CA tỉnh T;
- VPCSĐT-CA tỉnh T;
- Thi hành án hình sự;
- UBND L;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thảo

